

Bản án số: 37/2018/DS-ST
Ngày: 07/3/2018
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN VĂN TRỌNG**

2. Ông **LÊ VĂN NIỆM**

- Thư ký phiên tòa: Bà **LÊ THỊ KIM NGỌC** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **NGUYỄN VĂN HẢI** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 381/2017/TLST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2017 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **NGUYỄN THỊ HỒNG T**, sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* - Ông **PHẠM VĂN P**, sinh năm 1956 (Vắng mặt)

- Bà **NGUYỄN THỊ L**, sinh năm 1956 (Vắng mặt)

- Chị **PHẠM THỊ MỸ H**, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 09/8/2017 và lời khai tại Toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Chị H là thành viên tham gia chơi hụi do bà T làm đầu thảo, hụi có hoa hồng cho đầu thảo và có lãi. Chị H tham gia dây hụi mở ngày 19/01/2016 âm, hụi gồm 14 phần, mỗi phần 5.000.000đ, 03 tháng mở một kỳ, đến tháng 4/2019 âm thì mãn hụi. Chị H tham gia 01 phần, đến kỳ khai hụi thứ 2 (nhằm ngày 19/4/2016 âm) thì trúng thăm hốt hụi số tiền 44.600.000đ, sau khi trừ tiền đầu thảo là 2.500.000đ thì còn lại số tiền 42.100.000đ. Khi nhận tiền, chị H có viết, ký tên vào tờ giấy hụi, đồng thời ông P, bà L (cha mẹ ruột của chị H) cũng có ký tên và ghi là người bảo lãnh. Tính đến nay bị đơn không đóng hụi chết cho bà 07 kỳ, sau khi trừ số tiền hụi chết đã đóng là 8.000.000đ (cụ thể ở kỳ 3 đóng được 5.000.000đ, kỳ 4 đóng được 3.000.000đ còn lại 2.000.000đ) thì còn lại số tiền hụi đến hạn là 27.000.000đ, và

số tiền hui chưa đến hạn 05 kỳ x 5.000.000đ là 25.000.000đ. Bà T có đến nhà bị đơn yêu cầu trả nợ hui như trên nhưng chị H, ông P, bà L kéo dài chưa trả.

Nay bà T yêu cầu chị H, ông P, bà L phải liên đới trả 01 lần số tiền hui đã đến hạn là 27.000.000đ, còn lại số tiền 25.000.000đ hui chưa đến hạn thì bà tự nguyện rút không yêu cầu để khi nào đến kỳ khai hui thì bị đơn trả theo từng kỳ khai.

Tại phiên toà, bị đơn chị H, ông P, bà L vắng mặt không lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần hai.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên toà: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Xét thấy, tại phiên toà nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền hui 27.000.000đ đã đến hạn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu trả số tiền hui chưa đến hạn mà nguyên đơn đã rút tại Toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** - Ông Phạm Văn P, bà Nguyễn Thị L, chị Phạm Thị Mỹ H vắng mặt không lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông P, bà L, chị H.

- Tại phiên toà, nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 25.000.000đ ở các kỳ hui chưa đến hạn, chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 27.000.000đ hui đã đến hạn. Xét thấy, việc rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự. Từ đó, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc rút một phần yêu cầu không yêu cầu bị đơn phải trả số tiền hui chưa đến hạn; nếu sau này nguyên đơn khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Về nội dung:

[2] Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại Toà, nguyên đơn bà T khẳng định bị đơn chị H là người trực tiếp đứng ra chơi hui do bà làm đầu thảo. Cụ thể, chị H đã tham gia dây hui mở ngày 19/01/2016 âl, hui gồm 14 phần, chị tham gia một phần, mỗi phần 5.000.000đ, 03 tháng mở một kỳ, đến tháng 4/2019 âl thì mãn hui. Đến kỳ khai hui thứ 2 (nhằm ngày 19/4/2016 âl) thì chị trúng thăm hót hui số tiền 44.600.000đ, sau khi trừ tiền đầu thảo là 2.500.000đ thì còn lại số tiền 42.100.000đ. Khi nhận tiền, chị H có viết, ký tên vào tờ giấy hui, đồng thời ông P, bà L (cha mẹ ruột của chị H) cũng ký tên vào và ghi là người bảo lãnh. Tính đến nay chị H không đóng hui chết cho nguyên đơn 07 kỳ tổng số tiền 35.000.000đ, sau khi trừ số tiền hui chết đã đóng là 8.000.000đ (cụ thể ở kỳ 3 nhằm ngày 19/7/2016 âl đóng được 5.000.000đ, kỳ 4 nhằm ngày 19/10/2016 âl đóng được 3.000.000đ còn lại 2.000.000đ) thì còn lại số tiền hui đến hạn là 27.000.000đ. Do đó, xác định hợp đồng góp hui giữa các bên thực tế đã phát sinh theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự. Đồng thời, căn cứ vào lời khai của các hui viên trong dây hui mà chị H tham gia thì họ cũng xác định chị H có tham gia dây hui nêu trên do nguyên đơn làm đầu thảo và đã hót hui chết.

Khi giao tiền hốt hui thì nguyên đơn đã giao trực tiếp cho bà L (mẹ ruột của chị H) có sự chứng kiến của chị H, ông P (cha ruột của chị H). Các bên có lập tờ giấy hui cùng ký tên vào và thống nhất nếu sau khi hốt hui mà chị H không đóng hui chết thì ông P, bà L sẽ đứng ra đóng cho chị H. Sau đó, bị đơn chỉ đóng được một hoặc hai kỳ hui chết rồi không đóng tiếp cho đến nay nên nguyên đơn phải đứng ra choàng hui cho bị đơn để dây hui được hoạt động bình thường. Thêm vào đó, trong quá trình thụ lý vụ án Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho bị đơn để đảm bảo quyền nêu ý kiến, cũng như hoà giải để các bên có điều kiện thương lượng, thoả thuận vấn đề tranh chấp nhưng bị đơn vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, bị đơn cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện bị đơn đã không phản bác đối với việc khởi kiện của nguyên đơn. Cho nên, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T là có căn cứ để chấp nhận và Toà án có đủ cơ sở buộc ông Phạm Văn P, bà Nguyễn Thị L, chị Phạm Thị Mỹ H cùng liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền hui đã đến hạn tổng cộng 27.000.000đ cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí: + Nguyên đơn không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[6] + Bị đơn phải cùng liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[7] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 357, Điều 471, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hui, biếu, phượng và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T.

Buộc ông Phạm Văn P, bà Nguyễn Thị L, chị Phạm Thị Mỹ H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền hui tổng cộng là 27.000.000đ.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 25.000.000đ ở các kỳ hui chưa đến hạn.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Hồng T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Phạm Văn P, bà Nguyễn Thị L, chị Phạm Thị Mỹ H chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí: Ông Phạm Văn P, bà Nguyễn Thị L, chị Phạm Thị Mỹ H phải liên đới chịu 1.350.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền 1.300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 07431 ngày 28/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với

đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM